

# NÂNG CAO KHẢ NĂNG THỰC HÀNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GÓP PHẦN NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO GIÁO VIÊN THỂ DỤC THỂ THAO TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LÊ TRƯỜNG SƠN CHẤN HẢI\*

Ngày nhận bài: 21/12/2016; ngày sửa chữa: 23/12/2016; ngày duyệt đăng: 24/12/2016.

**Abstract:** Professional competence and qualifications of teaching staff plays a decisive role in improve education quality in general and quality of Physical Education in particular at high schools. Therefore, training scientific research competence is necessary to improve self-learning ability and enhance professional competence for teachers of sports to meet requirements of education reform.

**Keywords:** Educational reform, sports teachers, scientific research, self-learning ability, Physical education.

**T**rước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục mà Đảng và Nhà nước đặt ra, Bộ GD-ĐT chủ trương đổi mới giáo dục phổ thông sau năm 2015 gồm những vấn đề cơ bản như: đổi mới chương trình từ định hướng nội dung dạy học sang định hướng năng lực; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng chú trọng phát triển năng lực học sinh (HS); chuyển đổi kiểm tra, đánh giá từ chủ yếu đánh giá kiến thức và kĩ năng sang đánh giá năng lực của HS.

Vì vậy, giáo dục thể chất (GDTC) trong trường học phải có sự đổi mới toàn diện, vấn đề cơ bản là đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên (GV) thể dục thể thao (TDTT) theo hướng chất lượng và hiệu quả. Đây là nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến hiệu quả công tác GDTC trường học và cũng là thách thức lớn đối với khả năng đáp ứng về năng lực chuyên môn của chính đội ngũ GV TDTT. Bài viết đề cập vấn đề nâng cao năng lực thực hành nghiên cứu khoa học (NCKH) nhằm nâng cao năng lực tự học cho GV TDTT trung học phổ thông (THPT).

## 1. Thực trạng năng lực tự học và tham gia hoạt động NCKH

Để nâng cao trình độ đội ngũ GV bậc học phổ thông (trong đó có GV TDTT), Ngành giáo dục và các nhà trường đã có những biện pháp tích cực: - Động viên, khuyến khích GV tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đào tạo và yêu cầu thực tiễn giáo dục; coi kết quả tự học và kết quả phấn đấu về chuyên môn

là tiêu chí để đánh giá hiệu quả lao động của đội ngũ GV; - Quy định chế độ thực hành công tác NCKH dưới dạng sáng kiến kinh nghiệm (SKKN), trách nhiệm và bốn phận tham gia đối với GV.

Sự quan tâm của ngành giáo dục đã góp phần đáng kể góp phần nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV, song cũng còn những hạn chế nhất định có nguyên nhân từ năng lực và tính tích cực của chính GV trong hoạt động tự học và NCKH.

**1.1. Tự đánh giá của GV TDTT.** Khảo sát ý kiến đánh giá của 148 GV TDTT THPT các tỉnh phía Bắc trong năm học 2015-2016 về hoạt động tự học và tham gia hoạt động SKKN (xem *bảng 1*).

*Bảng 1. Kết quả tự đánh giá về hoạt động tự học và NCKH của GV TDTT THPT các tỉnh phía Bắc (n = 148)*

TT	Nội dung tự đánh giá	Mức độ tự đánh giá							
		Tốt		Khá		Trung bình		Còn nhiều hạn chế	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Kiến thức và kĩ năng tự học, tự nghiên cứu về lĩnh vực chuyên môn	4	2,70	7	4,73	15	10,14	122	82,43
2	Mức độ quan tâm và đầu tư cho hoạt động tự học, tự NCKH	4	2,70	9	6,08	36	23,32	99	66,89
3	Quan tâm thu thập tài liệu phục vụ cho việc nâng cao trình độ chuyên môn	4	2,70	7	4,73	38	25,68	99	66,89
4	Tính tích cực trong các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn do trường tổ chức	67	45,27	42	88,38	12	8,11	27	18,24
5	Tự rèn luyện để nâng cao kĩ năng thực hành các môn thể thao thuộc chương trình giảng dạy	7	4,73	17	11,49	24	16,22	100	67,56
6	Tự rèn luyện, trau dồi trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá	2	1,35	8	5,40	24	16,22	114	77,03
7	Chủ động và tích cực ứng dụng các hoạt động đổi mới vào thực tiễn dạy học	3	2,03	6	4,05	29	19,60	110	74,32
8	Tích cực tham gia các hoạt động NCKH do nhà trường chỉ đạo, yêu cầu	4	2,70	10	6,76	24	16,22	110	74,32
9	Số lượng và chất lượng SKKN đã tham gia	4	2,70	5	3,38	25	16,89	114	77,03

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Kết quả tự đánh giá của GV tại *bảng 1* cho thấy: - Số đông GV có thái độ trách nhiệm và tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do cấp trên tổ chức. Đó là hoạt động có tính chất đại trà, định kì và ngắn hạn (từ 3-5 ngày) vào dịp hè nhằm phổ biến, tập huấn cho GV những đổi mới về chuyên môn; - GV chưa có sự quan tâm và đầu tư đáng kể cho hoạt động tự học, tự NCKH; kiến thức và kĩ năng tự học, tự tiến hành hoạt động NCKH chưa tương xứng với yêu cầu của thực tiễn giáo dục; - Hoạt động tự học, tự NCKH của GV chưa trở thành động lực và mong muốn của đa số GV; đổi mới giáo dục chưa trở thành trách nhiệm và bổn phận của đa số GV; - Vẫn còn nhiều GV chưa tham gia hoạt động báo cáo SKKN do nhà trường tổ chức.

**1.2. Đánh giá của chuyên viên phụ trách môn học và Ban Giám hiệu.** Kết quả khảo sát ý kiến của 15 chuyên viên phụ trách môn học *Thế dục* và thành viên của Ban Giám hiệu 48 trường THPT các tỉnh phía Bắc (năm học 2015-2016) về hoạt động tự học và tham gia hoạt động NCKH của GV TDTT được trình bày tại *bảng 2*.

*Bảng 2. Kết quả đánh giá của chuyên viên phụ trách môn học và Ban Giám hiệu về hoạt động tự học và NCKH của GV TDTT cấp THPT các tỉnh phía Bắc (n = 63)*

TT	Nội dung tự đánh giá	Mức độ đánh giá							
		Tốt		Khá		Trung bình		Còn nhiều hạn chế	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Tích cực và chủ động trong hoạt động tự học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn	0	0,00	3	4,76	7	11,11	53	84,13
2	Năng lực tự học và triển khai các hoạt động nghiên cứu về lĩnh vực GDTC trường học	0	0,00	3	4,76	7	11,11	53	84,13
3	Chất lượng và hiệu quả tham gia các hoạt động bồi dưỡng và tập huấn chuyên môn	27	42,86	30	47,62	6	9,52	0	0,00
4	Tiềm năng tham gia đổi mới và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục thông qua hoạt động tự học và NCKH	0	0,00	3	4,76	11	17,46	49	77,78
5	Kết quả ứng dụng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa HS	0	0,00	0	0,00	14	22,22	49	77,78
6	Tích cực và chủ động trong tham gia hoạt động SKKN của nhà trường	1	1,59	3	4,76	6	9,52	53	84,13
7	Tinh đa dạng, khoa học và thực tiễn của các đề tài SKKN đã triển khai	0	0,00	3	4,76	6	9,52	54	85,72
8	Số lượng các đề tài SKKN đã thực hiện so với GV các môn học khác	0	0,00	0	0,00	9	14,28	54	85,72
9	Năng lực tự học và NCKH so với GV các bộ môn khác	0	0,00	0	0,00	10	15,87	53	85,72

Kết quả đánh giá tại *bảng 2* cho thấy: - Ngoài việc tích cực tham gia và tham gia có hiệu quả các lớp bồi dưỡng và tập huấn chuyên môn theo định kì, định hướng của ngành, GV TDTT còn hạn chế về tính chủ động và tích cực trong hoạt động tự học để nâng cao trình độ chuyên môn; - Đa số GV còn yếu về năng lực tự học, tự tổ chức các hoạt động NCKH. Điều đó đã

hạn chế đáng kể đến sự phát triển năng lực hoạt động nghề nghiệp của mỗi GV trước yêu cầu đổi mới giáo dục; - Sự hạn chế về số lượng, chất lượng báo cáo SKKN hàng năm của GV TDTT không chỉ gián tiếp phản ánh mức độ tích cực, năng lực tự học, kiến thức và kĩ năng tiến hành hoạt động NCKH của GV TDTT, mà còn là dấu hiệu phản ánh sự suy giảm tất yếu về chất lượng và trình độ triển khai hoạt động dạy học môn *Thế dục* của mỗi trường.

**2. Biện pháp nâng cao khả năng thực hành hoạt động NCKH góp phần nâng cao năng lực tự học trong đào tạo GV TDTT của các trường sư phạm**

**2.1. Định hướng của biện pháp.** Nhằm trang bị cho GV TDTT kiến thức và kĩ năng thực hành hoạt động NCKH là: - Quá trình cung cấp và hiện thực hóa ở mỗi GV phương tiện để tự học suốt đời; góp phần hình thành và phát triển nhu cầu tự học phù hợp với mục tiêu xây dựng xã hội học tập; - Nâng cao năng lực đổi mới và phát triển trình độ chuyên môn của GV trước xu thế hiện đại hóa của nền giáo dục nước nhà; - Là phương thức chuyển giao công nghệ tiến hành hoạt động NCKH cho GV, giúp quan sát, thu thập,

đánh giá và tìm kiếm giải pháp khắc phục những tồn tại trong hoạt động dạy và học; đặt GV trước yêu cầu phải học tập, lao động khoa học để ứng dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

**2.2. Mục tiêu của biện pháp.** Thực hành hoạt động NCKH trong đào tạo GV TDTT hướng tới những mục tiêu sau: - Góp phần khắc phục có hiệu quả những hạn chế về năng lực tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn, chậm thích ứng trước những đổi mới của giáo dục phổ thông; - Góp phần nâng cao năng lực đáp ứng của GV trước nhu cầu chuyên môn của giáo dục phổ thông; tạo tiềm lực và động lực để GV chủ động, tích cực trong hoạt động tự học, tự nâng cao trình độ; - Tạo điều kiện và cơ hội để GV tự tin, tích cực tham gia công cuộc đổi mới giáo dục với vai

trò chủ thể; phát triển khả năng đóng góp của bản thân đối với sự nghiệp GDTC cho thế hệ trẻ; - Nâng cao năng lực tham mưu và triển khai công tác GDTC trường học theo hướng chất lượng và hiệu quả; góp phần cải thiện sức hấp dẫn của môn *Thế dục* đối với HS; chủ động linh hoạt tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về chuyên môn trong phạm vi nhà trường; - Phát

triển khả năng và nhu cầu phát hiện, tìm kiếm biện pháp khắc phục những tồn tại của thực tiễn GDTC; - Nâng cao khả năng tư duy và trình bày ý tưởng trong công tác khắc phục, giáo dục nhận thức cho HS về giá trị của hoạt động TDDT.

**2.3. Nội dung của biện pháp.** Trang bị cho GV TDDT kiến thức và kĩ năng về các vấn đề sau:

- Phương pháp lựa chọn và xác định định hướng nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực GDTC trường học, gồm: + Hoạt động dạy, học và kiểm tra, đánh giá môn Thể dục; + Chương trình, nội dung chương trình GDTC nội và ngoại khóa; + Hình thức và phương pháp tổ chức các hoạt động TDDT trường học; + Các yếu tố chi phối chất lượng và hiệu quả GDTC; + Thể lực và hoạt động của HS; + Đặc điểm diễn biến tâm, sinh lí của HS dưới ảnh hưởng của vùng, miền và luyện tập TDDT; + Vai trò của TDDT trong giáo dục và giáo dục HS phổ thông; + Cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ GDTC; + Quan hệ giữa gia đình và nhà trường trong công tác GDTC cho HS; + Phương pháp đánh giá, nội dung đánh giá thực trạng, con đường và biện pháp khắc phục tồn tại, phát triển các vấn đề; + Chất lượng và hiệu quả GDTC nội, ngoại khóa trong nhà trường phổ thông các cấp; + Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá các giai đoạn dạy học động tác và các loại hình bài tập kĩ thuật thể thao; + Tổ chức thể lực của HS (chung và từng loại), bài tập phát triển từng loại tổ chức thể lực; + Bài tập kĩ thuật, các lỗi sai thường mắc trong dạy và học động tác; + Nhận thức và tính tích cực của HS trong hoạt động TDDT nội và ngoại khóa; + Tuyển chọn và tổ chức huấn luyện đội tuyển các môn thể thao, các hình thức ngoại khóa TDDT trong nhà trường; + Đổi mới, tích hợp GDTC cho HS trong và ngoài giờ lên lớp.

- Phương pháp lựa chọn tiêu chí đánh giá và đánh giá kết quả nghiên cứu đối với từng loại đề tài. + Phương pháp xác định nội dung đánh giá, tiêu chí đánh giá thực trạng các loại hình nghiên cứu về GDTC trường học; + Nội dung và tiêu chí đánh giá kết quả thu thập được của các loại định hướng nghiên cứu.

- Phương pháp cấu trúc và trình bày nội dung nghiên cứu theo từng loại đề tài. + Nội dung, cấu trúc nội dung và phương pháp trình bày các mục tiêu (gợi

đề tài và lí do chọn đề tài; mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu; đối tượng và khách thể nghiên cứu...); + Cấu trúc nội dung, phương pháp trình bày các vấn đề trọng tâm của đề tài (cơ sở lí luận của vấn đề nghiên cứu; thực trạng, phương pháp và kết quả khắc phục thực trạng).

**2.4. Tổ chức triển khai biện pháp.** Cần thiết phải đổi mới nội dung chương trình môn học, phương pháp NCKH chuyên ngành GDTC theo hướng tiếp cận nội dung và thực hành triển khai các loại hình đề tài NCKH phổ biến trong lĩnh vực GDTC trường học. Môn học được thiết kế với hai nội dung cơ bản: trang bị kiến thức và kĩ năng thực hành các nội dung nghiên cứu về lĩnh vực GDTC trường học; tạo điều kiện để các giáo sinh sư phạm tiếp cận và thực hành hoạt động đánh giá thực trạng, tìm kiếm và triển khai biện pháp khắc phục, đổi mới. Ngoài ra, môn học và giờ học cần được tổ chức thực hiện dưới dạng triển khai thực hành hoạt động NCKH: SV lựa chọn định hướng nghiên cứu... dưới sự hướng dẫn, đánh giá của giảng viên, thảo luận đóng góp của nhóm, tổ; SV hoàn thiện bài tập NCKH với đề tài đã được giảng viên góp ý và sửa chữa.

**2.5. Thực nghiệm và đánh giá hiệu quả của giải pháp.** Thực nghiệm được triển khai giảng dạy đối với 75 SV khóa 39 chuyên ngành GDTC, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 trong năm học 2015-2016.

**2.5.1. Kết quả học tập của SV** về kiến thức và kĩ năng thực hành bài tập NCKH về lĩnh vực GDTC của SV được phản ánh thông qua điểm số mà SV đạt được, kết quả được trình bày tại bảng 3.

**Bảng 3. Tổng hợp kết quả thực hành bài tập NCKH của SV tham gia thực nghiệm**

TT	Định hướng nghiên cứu SV lựa chọn	Số lượng	Kết quả học tập của SV (n = 75)							
			Điểm giỏi (9-10)		Điểm khá (7-8)		Điểm T. bình (5-6)		Điểm dưới T. bình	
			n	%	n	%	n	%	N	%
1	Biện pháp nâng cao hiệu quả GDTC cấp THPT	6	0	0,00	4	66,67	2	33,33	0	0,00
2	Phương pháp giảng dạy môn học theo hướng tích cực hóa HS	7	0	0,00	5	71,42	2	28,58	0	0,00
3	Đổi mới nội dung và tổ chức giờ học môn tự chọn	5	0	0,00	4	80,00	1	20,00	0	0,00
4	Bài tập phát triển các tổ chức thể lực cho HS THPT	8	0	0,00	6	75,00	2	25,00	0	0,00
5	Biện pháp tích cực hóa hoạt động học tập môn học Thể dục của HS THPT	10	0	0,00	7	70,00	3	30,00	0	0,00
6	Đánh giá diễn biến phát triển thể lực của HS dưới tác động của tập luyện TDDT	8	0	0,00	7	87,50	1	12,50	0	0,00
7	Phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện các môn thể thao	6	0	0,00	4	66,67	2	33,33	0	0,00
8	Đổi mới nội dung và hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học	9	0	0,00	8	88,89	1	11,11	0	0,00
9	Đặc điểm tâm lí và nhu cầu tập luyện TDDT của HS các dân tộc vùng cao	11	0	0,00	8	72,72	3	27,28	0	0,00
10	Các hình thức, nội dung tổ chức tập luyện ngoại khóa và xây dựng đội tuyển các môn thể thao	5	0	0,00	4	80,00	1	20,00	0	0,00
Tổng cộng		75								

Phân tích kết quả khảo sát tại *bảng 3* cho thấy một số nhận xét sau:

- Đa số SV đạt điểm khá và giỏi về bài tập thực hành NCKH đã phản ánh những giá trị về kiến thức và kĩ năng về NCKH mà SV thu nhận được;
- Tính đa dạng về định hướng nghiên cứu mà SV lựa chọn và tìm cách giải quyết đã phản ánh những giá trị về kiến thức, kĩ năng NCKH mà SV đã tích lũy được thông qua hoạt động nghề nghiệp;
- Thành tích học tập của SV đạt được tuy chỉ là bước đầu, song cần được khai thác và phát triển, minh chứng về sự cần thiết phải dẫn dắt và tạo điều kiện để SV được thực hành hoạt động NCKH;
- Giá trị của biện pháp không chỉ là sự chuyển giao tới SV khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá và giải quyết những tồn tại, vấn đề cấp thiết của thực tiễn giáo dục, mà còn là quá trình tạo dựng ở SV niềm tin, bản lĩnh để phát triển năng lực NCKH, phát triển nhu cầu tự học và khám phá.

#### 2.5.2. Tự đánh giá của SV qua việc nâng cao khả năng thực hành hoạt động NCKH (xem *bảng 4*)

*Bảng 4* cho thấy: - Đa số SV có nhận thức sâu sắc về giá trị của biện pháp đối với việc nâng cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của bản thân; có tác động hoàn thiện và phát triển tiềm lực chuyên môn cho đội ngũ GV TDDT trước nhu cầu của thực tiễn; - Thực hành NCKH không chỉ là quá trình dẫn dắt và phát triển ở người học năng lực tư duy và giải quyết những vấn đề chuyên môn mà còn là quá trình mở rộng phạm vi ảnh hưởng và giá trị hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ GV TDDT đối với sự nghiệp GD-ĐT; - Phát triển năng lực hoạt động NCKH còn là quá trình trực tiếp nâng cao trình độ chuyên môn cho SV toàn diện; trang bị cho SV phương pháp tự học, tự phát triển trình độ một cách tự giác, có hiệu quả.

2.5.3. *Đánh giá của GV về giá trị của biện pháp qua việc nâng cao khả năng thực hành hoạt động NCKH cho SV.* Tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của 12 GV tham gia giảng dạy lớp thực nghiệm (xem *bảng 5* trang bên).

*Bảng 4. Tổng hợp kết quả đánh giá của SV về giá trị của biện pháp thông qua việc nâng cao khả năng thực hành hoạt động NCKH (n = 75)*

TT	Giá trị đạt được của biện pháp	Mức độ đánh giá							
		Rất tốt		Tốt		Tương đối tốt		Chưa tốt	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Cung cấp và hiện thực hóa ở mỗi SV phương tiện để tự học, góp phần hình thành và phát triển nhu cầu tự học suốt đời	16	21,33	46	61,33	13	17,33	0	0,0
2	Nâng cao năng lực tự đổi mới và phát triển trình độ chuyên môn của SV trước xu thế đổi mới và hiện đại hóa của nền giáo dục nước nhà	27	36,00	34	45,33	14	18,67	0	0,0
3	Nâng cao thế giới quan khoa của SV trước thực tiễn và diễn biến phát triển của sự nghiệp GD-ĐT thế hệ trẻ.	28	37,33	31	41,33	16	21,33	0	0,0
4	Là bước đi cần thiết giúp SV hiện thực hóa hoạt động NCKH vào thực tiễn giáo dục ở nhà trường THPT; là quá trình chuyển hóa từ kiến thức thành kĩ năng, từ hiểu biết sang hành động	38	50,67	28	37,33	9	12,00	0	0,0
5	Tạo điều kiện và cơ hội để SV tự tin và tích cực tham gia công cuộc đổi mới giáo dục với vai trò chủ thể; phát triển khả năng đóng góp đối với sự nghiệp GDTC cho thế hệ trẻ	27	36,00	30	40,00	18	24,00	0	0,0
6	Nâng cao năng lực tham mưu về công tác GDTC trường học theo hướng chất lượng và hiệu quả; góp phần cải thiện sức hấp dẫn của môn <i>Thể dục</i> đối với HS; chủ động tháo gỡ những vướng mắc về chuyên môn trong phạm vi nhà trường	27	36,00	26	34,67	22	29,33	0	0,0
7	Phát triển khả năng và nhu cầu chủ động phát hiện, tìm kiếm giải pháp khắc phục những tồn tại của thực tiễn GDTC; nâng cao khả năng tư duy và trình bày ý tưởng trong công tác thuyết phục, giáo dục nhận thức cho HS về giá trị của hoạt động TDDT	24	32,00	35	46,67	16	21,33	0	0,0
8	Hình thành và phát triển khả năng liên kết kiến thức để xem xét, giải quyết những vấn đề về chuyên môn, khả năng tư duy logic	18	24,00	39	52,00	18	24,00	0	0,0
9	Phát triển khả năng phân tích và tìm kiếm mối quan hệ, tác động lẫn nhau giữa các sự kiện và hiện tượng xảy ra trong giáo dục nói chung và GDTC nói riêng	18	24,00	37	49,33	20	16,67	0	0,0
10	Phát triển ý thức trách nhiệm trước công đồng, sự thành công và phát triển của sự nghiệp GDTC trường học	22	29,33	44	58,67	9	12,00	0	0,0

Phân tích kết quả khảo sát tại *bảng 5* cho thấy:

- Thực hành hoạt động NCKH là phương thức đào tạo gắn lí luận với thực tiễn, tạo điều kiện để SV được thực hành các bài tập nghiên cứu có liên quan trực tiếp đến hoạt động dạy và học môn *Thể dục*; nội dung và yêu cầu không vượt quá khả năng tiếp thu của SV, có tác dụng phát huy tiềm năng mà SV đã tích lũy được trong quá trình học tập tại trường;
- Thực hành hoạt động NCKH có giá trị vượt ra ngoài phạm vi của môn học trong quá trình đào tạo tại trường; có tác dụng khắc phục thực trạng yếu kém về năng lực NCKH của SV;
- Phát triển năng lực tiến hành hoạt động NCKH, đồng thời là quá trình trang bị kiến thức, kĩ năng tự học cho SV, thúc đẩy nhu cầu tự hoàn thiện trình độ chuyên môn trước diễn biến và sự phát triển của thực tiễn giáo dục sau này.

\*\*\*

Bảng 5. Tổng hợp ý kiến đánh giá của GV về giá trị của biện pháp thông qua việc nâng cao khả năng thực hành hoạt động NCKH cho SV (n = 12)

TT	Giá trị đạt được của biện pháp	Mức độ đánh giá							
		Rất tốt		Tốt		Tương đối tốt		Chưa tốt	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Là điều kiện để SV thực hành các phương pháp NCKH đã được trang bị; thực tập phương pháp đánh giá, nội dung đánh giá và giải quyết những vấn đề của thực tiễn GDTC trường học	6	50,00	4	33,33	2	16,66	0	0,0
2	Là hoạt động giúp SV hiểu và ghi nhớ sâu kiến thức chuyên môn đã được trang bị	6	50,00	4	33,33	2	16,67	0	0,0
3	Tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, xóa bỏ mặc cảm và tự ti của số đông SV về khả năng tiến hành hoạt động NCKH	4	33,33	7	83,33	1	8,33	0	0,0
4	Là phương thức có hiệu quả nhằm dẫn dắt SV thực hành từng công đoạn của tiến trình hoạt động NCKH đối với thực tiễn GDTC THPT	4	33,33	6	50,00	2	16,67	0	0,0
5	Đặt SV trước yêu cầu phải học tập và lao động khoa học để ứng dụng những tiến bộ về khoa học và công nghệ vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp	6	50,00	4	33,33	2	16,67	0	0,0
6	Tạo nền tảng để tích cực hóa hoạt động tự học, mở rộng phạm vi và tầm ảnh hưởng của SV đối với thực tiễn giáo dục trong môi trường	5	41,67	6	50,00	1	8,33	0	0,0
7	Phát triển năng lực tư duy và khả năng vận dụng kiến thức tổng hợp để giải quyết những vấn đề chuyên môn, cụ thể của hoạt động dạy và học môn Thể dục	5	41,67	7	83,33	0	0,0	0	0,0
8	Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở tầm đại học, phát triển nhu cầu và năng lực tự học cho SV	4	33,33	6	50,00	2	16,67	0	0,0
9	Tạo điều kiện và cơ hội để SV tự tin và tích cực tham gia công cuộc đổi mới giáo dục với vai trò chủ thể; phát triển khả năng đóng góp của bản thân đối với sự nghiệp GDTC cho thế hệ trẻ	6	50,00	4	33,33	2	16,67	0	0,0

Đội ngũ GV TDĐT THPT còn thiếu kiến thức và kỹ năng tự học, tự triển khai và tham gia hoạt động NCKH. Đổi mới nội dung đào tạo và tổ chức đào tạo kiến thức, kỹ năng tiến hành hoạt động NCKH cho giáo sinh sư phạm là biện pháp tích cực và có hiệu quả để nâng cao năng lực tự học, tự triển khai hoạt động NCKH cho GV THPT. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2009). *Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT, ngày 22/10/2009 về việc Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông.*
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2015-2020. Tài liệu Hội thảo về xây dựng đề án phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học.*
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2004). *Chỉ thị số 40/2004/CT-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 15/6/2004 về việc Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.*
- [4] Lưu Thanh Hải (2013). *Đánh giá việc thực hiện công tác giáo dục phổ thông môn Thể dục và đề xuất công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên Thể dục cho chương trình sau năm 2015.* NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định số*

2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 về việc phê duyệt chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020. [6] Vũ Đức Thu - Nguyễn Xuân Sinh - Lưu Quang Hiệp - Trương Anh Tuấn (1995). *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất.* NXB Giáo dục.

### KÍNH MỜI BẠN ĐỌC ĐẶT MUA TẠP CHÍ GIÁO DỤC NĂM 2017

**Tạp chí Giáo dục** ra mỗi tháng 02 kì, đặt mua tại các bưu cục địa phương (**Mã số C192**) hoặc đặt mua trực tiếp tại Tòa soạn (số lượng lớn) theo địa chỉ: **TẠP CHÍ GIÁO DỤC, 4 Trịnh Hoài Đức, quận Đống Đa, Hà Nội.**

Kính mời bạn đọc, các đơn vị giáo dục, trường học đặt mua **Tạp chí Giáo dục năm 2017.** Mọi liên hệ xin gửi về địa chỉ trên hoặc liên lạc qua số điện thoại: 04.37345363; Fax: 04.37345363.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TẠP CHÍ GIÁO DỤC**